TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 225/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 113/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Bùi Kim T, sinh ngày, CCCD: 083187XXX; địa chỉ: Xã Đông Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Thiên P, sinh ngày, CCCD: 030087XXX; địa chỉ: Xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số, Quyển số 02/2012 ngày 31/8/2012 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long (Trước đây là thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre) cấp thì bà Bùi Kim T và ông Nguyễn Thiên P là vợ chồng hợp pháp. Bà T có nơi cư trú tại xã Đông Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, cả hai nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân Khu vực 8- Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và đăng ký kết hôn năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Bà T và ông P xác định vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được thuận tình ly hôn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 trẻ tên Nguyễn Bùi Thu P1, sinh ngày 21/7/2013 và Nguyễn Bùi Thiện Đ, sinh ngày 16/4/2014. Các bên thỏa thuận giao trẻ P1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Đ cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* do bà T và ông P phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Bùi Kim T và ông Nguyễn Thiên P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 trẻ tên Nguyễn Bùi Thu P1, sinh ngày 21/7/2013 và Nguyễn Bùi Thiện Đ, sinh ngày 16/4/2014.

+ Ông P có trách nhiệm giao trẻ P1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T có trách nhiệm giao trẻ Đ cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên cho ông P, bà T do các bên không yêu cầu.

+ Ông P, bà T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho nhau đến thăm con chung.

+ Vì lợi ích của con chưa thành niên việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà T và ông P phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0002108 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Phước Lý

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 8- Tp. HCM;
- Phòng THADS Khu vực 8- Tp. HCM;
- UBND xã Thạnh Phú, tỉnh Vĩnh Long (Trước đây là TT. Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre- GKH số, Quyển số 02/2012 ngày 2012);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;